

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 490

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 11.07.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 606, bắt đầu xem giữa hàng thứ tư từ dưới đếm lên.

“Cổ hạ tục vân, dẫn đạo quần sanh, xả chư ái trước”. Ở trước chúng ta đọc đến câu “làm đại đạo sư”. Làm đại đạo sư đương nhiên họ muốn dẫn dắt quần sanh ly khổ đắc lạc. Thế nên tiếp theo ở dưới có bài kinh văn nhỏ:

“Trước là chấp trước, nhiễm trước. Ái là tham ái, hỷ ái, ân ái. Cho nên nói ái không nặng không đọa ta bà. Chúng sanh khó từ bỏ nhiễm trước, diệp đức Bồ Tát có thể khiến nó lìa xa vĩnh viễn”. Những điều trong mấy câu kinh văn này nói lên rằng: Gốc của luân hồi lục đạo, căn nguyên luân hồi sanh tử trong lục đạo chính là ái trước. Trước là chấp trước, chấp trước của Kinh Hoa Nghiêm, chính là kiến tư phiền não mà trong giáo lý đại thừa nói. Chúng ta cần phải hợp kinh luận lại để xem mới thật sự hiểu rõ, ý nghĩa của nó rất sâu rất rộng.

Cổ nhân nói: “Ái bất nhiễm bất sanh Ta Bà”, ở đây có thể dùng chữ bất đọa cũng được_bất sanh Ta Bà. “Niệm bất nhất bất sanh Tịnh độ”. Ta Bà, đặc biệt là trong thời đại chúng ta, cõi Ta bà hiện nay là gì? Ta Bà hiện nay khổ, khổ đến tột cùng. Quý vị thấy khắp nơi đều phát sinh thiên tai, quá khổ. Vì vậy chúng ta hy vọng lìa khỏi Ta Bà, ý niệm này rất sâu sắc, có thể dễ sanh khởi hơn. Nếu thế gian này là thái bình thịnh thế, người muốn xa lìa cõi Ta bà không nhiều, mọi người đều lưu luyến thế gian này. Thế giới này quá khổ, ép chúng ta không thể không từ bỏ, chúng ta mới nghĩ đến thế giới Cực Lạc. Đối với người niệm Phật mà nói, đây là nghịch tăng thượng duyên rất tốt, lúc này chúng ta cần nên phát tâm.

Bồ Tát có phương pháp gì hay, giúp chúng sanh vĩnh viễn xa lìa ba cấu nhiễm. Ba cấu nhiễm là tham sân si, có phương pháp gì chẳng? Trên thực tế phương pháp diệp đức chính là bộ kinh này. Sau khi thâm nhập bộ kinh này, sẽ hiểu rõ tất cả. Bộ kinh này rất hay, chúng ta xem nó như người hướng dẫn du lịch, giới thiệu thế giới tây phương Cực Lạc, giới thiệu Phật A Di Đà, nói một cách tường tận tỉ mỉ, khi nghe rồi không thể không tin. Khi đã thật sự tin tưởng, tâm cầu sanh Tịnh độ tự nhiên sinh khởi, có thể vĩnh viễn lìa xa ba cấu nhiễm, vĩnh viễn xa lìa cái gọi là khó phân khó xả.

Nếu gia đình có nhân duyên tốt, gia thân quyến thuộc cùng nhau niệm Phật, cả nhà di dân đến thế giới Cực Lạc, đây là việc tốt. Không phải chúng ta đi một mình, mà cả gia đình cùng đi, đến thế giới Cực lạc thật sự vẫn ở cùng nhau. Nếu không đến thế giới Cực Lạc, nói đời sau có thể ở cùng nhau, điều này rất khó khăn, vì sao vậy? Vì mỗi người tạo nghiệp nhân khác nhau, trong lục đạo là tùy nghiệp lưu chuyển, tự mình không làm chủ được, điều này không thể không biết. Ba câu nhiệm chính là tam độc, tham sân si là tam độc phiền não.

“Phục linh chúng sanh du hí ư thần thông chi trung”. Đây là Bồ Tát giúp chúng ta. Không những diệu đức của Bồ Tát có thể khiến xa lìa mãi mãi, Bồ Tát còn có thể khiến chúng sanh du hí thần thông.

Du là như dòng nước chảy, hí là an nhàn thông thả người tu hành thật sự, lời này là thật, hoàn toàn không phải giả. Tức là tùy ý vận dụng thần thông, tự tại vô ngại, nên gọi là “du hí thần thông”. Là thật ư? Là thật. Nếu chúng thật sự buông bỏ thế giới này, không còn để trong lòng, trong tâm chúng ta sẽ vô sự, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Trong cuộc sống hằng ngày, từ sáng sớm thức dậy đến tối đi ngủ, khởi tâm động niệm tạp niệm ít, niệm Phật nhiều. Nếu quả thật đạt được một ngày từ sáng đến tối, tạp niệm chỉ có hai phần mười, niệm Phật có tám phần mười, chúng ta sẽ lãnh hội được thần thông, vì sao vậy? Vì chúng ta thật sự ở trong đó, ở trong thế gian này là du hí, chúng ta không còn chấp trước, không còn được mất, không còn vương bận, không còn lo lắng. Tâm khai ý giải, được đại tự tại. Trong tâm giữ lấy thế giới thế giới Cực Lạc, từng bước từng bước đến gần thế giới Cực Lạc, sao họ không vui được! Từng bước xa rời thế giới này.

Thế nên chúng ta có thể cảm nhận được du hí thần thông, cảm nhận được một cách rõ ràng. Chỉ cần niệm Phật nhiều hơn tạp niệm, cảnh giới này liền hiện tiền. Đoạn sau là Hoàng Niệm Tổ tổng kết đoạn lớn này: “Hữu văn đại ý”. Hữu văn này là tổng kết ở trước, văn tự trong đoạn lớn này:

“Bồ tát nhất tâm chánh trực, an trú nhất thừa pháp trung, phục cụ thiện xảo phương tiện, tinh cần cầu pháp, quảng vi nhân thuyết, tất vô yểm quỵện”.

Cũng chính là nói, Bồ Tát phương tiện thiện xảo để tự tu hành và giáo hóa chúng sanh, đây là điều chúng ta cần nên học. Bất luận là tại gia hay xuất gia đều phải học Bồ Tát, không học Bồ Tát quý vị không thể tránh khỏi khổ nạn trước mắt, tương tai tự mình phải gánh lấy quả báo, khổ không sao nói hết!

Chúng ta học được Bồ Tát, đó chính là giải thoát, học như thế nào? Nhất tâm chánh trực, an trú trong pháp nhất thừa, đây chính là để Phật A Di Đà trong tâm. “Tâm tôi tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”, vấn đề này giải quyết hoàn toàn. Danh hiệu Phật A Di Đà là nhất thừa trong nhất thừa, là nòng cốt của nhất thừa.

Chúng ta học kinh này từ đầu đến đây, lãnh hội một cách sâu sắc, cũng khẳng định nó một cách sâu sắc, đích thực là nhất thừa của trong nhất thừa, nòng cốt của nhất thừa.

Phục cụ đồng thời lại đầy đủ phương tiện thiện xảo, không hề phức tạp, không hề khó khăn. Bốn chữ A Di Đà Phật có thể giúp chúng ta vững vàng xa lìa thế giới Ta Bà này. Vĩnh viễn xa lìa thế giới Ta Bà, đến bên đó cũng vĩnh viễn sống ở thế giới Cực Lạc, an trú ở thế giới Cực Lạc, mãi đến khi thành Phật không bao giờ lìa xa. Tuy mỗi ngày đến mười phương thế giới để cúng dường Chư Phật, nghe giáo huấn của Chư Phật, đó là phân thân đi, bản thân mình không rời thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc, thần thông của chúng ta giống Phật A Di Đà, đây là oai thần bốn nguyện Phật A Di Đà gia trì, cùng lúc đầy đủ tam minh lục thông.

Nếu dựa vào tự lực, phải là thập địa Bồ Tát trở lên, không phải Bồ Tát bình thường có thể làm được, Bồ Tát bình thường có lục thông không có tam minh. Chúng ta biết năng lực để đến thế giới Cực Lạc, là Phật A Di Đà gia trì, chúng ta là hưởng phước báo của Phật Di Đà, ngài là đại thí chủ của chúng ta. Không những cho chúng ta phước báo viên mãn, đồng thời ngày ngày giảng kinh giáo hóa, cho chúng ta trí tuệ viên mãn. Đến thế giới Cực Lạc là phước tuệ song tu, chúng ta phải tự ái, phải tự trọng.

Tự ái, tự trọng là hiện tượng gì? Chính là mỗi ngày niệm Phật nhiều hơn vọng niệm, đây chính là tự ái tự trọng. Mỗi ngày vọng niệm nhiều hơn Phật hiệu, như vậy là không tự ái, đời này chúng ta không chắc chắn được vãng sanh. Chân tướng sự thật này, đạo lý này không thể không thấu triệt, không thể không rõ ràng.

Tinh cần cầu pháp, rộng vì người khác giảng nói, tất cả đều không thấy chán ghét hay mệt mỏi. Chư vị đồng học trẻ phát tâm noi theo Bồ Tát, tinh tấn cầu học, sau khi học xong vì người khác giảng giải. Chỉ tu riêng cho chính mình, không bằng mọi người cùng nhau tu học, cùng tu tức là nương chúng nhờ chúng, không đến nỗi biếng nhác giải đãi. Sau khi học xong liền giảng, đây là việc tốt. Nếu chính mình không nói được, bây giờ chúng ta có đĩa có thể đem về, gia đình chính là đạo tràng. Người trong gia đình có thể cùng nhau học, bạn bè lân cận cũng có thể cùng nhau đến học. Không thể ngày nào cũng tu, mọi người công việc bận rộn, một tuần tu tập định kỳ một ngày nghe Kinh Vô Lượng Thọ. Sau khi nghe xong một đĩa, mọi người cùng nhau chia sẻ, điều này rất thù thắng.

Khi chúng ta học, chúng ta có thể làm chủ trì chia sẻ, xem cảm nhận và tâm đắc của mỗi người sau khi nghe xong, và báo cáo cho mọi người nghe, người chủ trì tổng kết. Học tập như vậy tiến bộ rất nhanh, chia sẻ xong lại cùng nhau niệm Phật. Học hiểu và tu hành đều quan trọng, một tuần một lần. Trong xã hội ngày nay làm được, nếu ở đây đạt được pháp hỷ, quý vị tự nhiên buông bỏ hết tất cả những thú vui khác, không còn xem ti vi nữa. Tâm chúng ta mới có thể chuyên nhất, nhất tâm chánh trực.

Giới đức của Bồ Tát thanh tịnh, tất cả những gì họ nói, có thể khiến người nghe sinh tâm hoan hỷ tín phục. Điểm này là mức độ học Phật thấp nhất, phải thực hành Đệ Tử Quy, Đệ Tử Quy là giới, giới căn bản. Ngũ giới Thập thiện đều là lấy Đệ Tử Quy làm căn bản, mà Ngũ giới Thập thiện là căn bản của Phật pháp tam thừa. Ngày xưa cổ nhân học Phật không có vấn đề, thành tựu hiệu quả nhiều không kể xiết, thành tích tu học của người bây giờ thua xa ngày xưa. Nguyên nhân là gì? Nguyên nhân là chúng ta không có căn bản của giới đức, nên môn học này nhất định phải bổ sung vào. Không được nói người khác không làm, tôi làm nó để làm gì? Người khác không muốn vãng sanh, chúng ta quả thật rất muốn, thật sự muốn đi, điều kiện này không thể không đầy đủ. Thế nên người thật sự muốn đi nhất định phải làm, phải thực hành Đệ Tử Quy, biến thành tiêu chuẩn khởi tâm động niệm ngôn ngữ hành động trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, không thể trái lại. Thực hành được Đệ Tử Quy rồi, tốt nhất phải thuộc Cảm Ứng Thiên, Cảm Ứng Thiên là giáo dục nhân quả, nhất định có tác dụng khích lệ rất lớn đối với chúng ta. Dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, biết được như thế nào là ác, như thế nào là thiện, biết được thiện nhân thiện quả, ác nhân ác báo. Nó cũng đốc thúc chúng ta cầu sanh Tịnh độ.

Có đức hạnh tu học tốt như vậy, đây là tiêu đức hạnh, vì người hiện nay không tu nữa. Được một chút như vậy, lại cảm thấy rất đáng được người cung kính. Nếu chúng ta cầu sanh Tịnh độ, đầy đủ giới đức này, đây mới là thật sự điều trong kinh điển nói: Thiện nam tử thiện nữ nơn_ chúng ta cũng có phần.

Nếu Đệ Tử Quy cũng không làm được, như vậy không phải là thiện nam tử thiện nữ nơn. Trong kinh Phật nói điều này, không liên quan đến chúng ta. Nếu chúng ta muốn gia nhập pháp hội này, thì nhất định phải làm được, phải làm tốt căn bản giới luật. Tất cả lời nói chúng ta, có thể khiến tâm người khác hoan hỷ tín phục. Người khác tin tưởng quý vị, người khác phục quý vị, vì sao? Chúng ta đã làm được.

“Ư thị tắc đại minh pháp cổ, cao kiến pháp tràng, đại phóng tuệ quang, quảng hoằng diệu pháp, phá trừ chúng sanh vô minh si ám”.

Đây là nói hiện có thành tựu nhỏ, sau đó nhân duyên thành thực, bạn đồng tu nhiều hơn, có thể có mấy trăm người, mấy ngàn người, chúng ta có thể kiến lập đạo tràng. Cư sĩ tại gia kiến lập Liên xã, bây giờ chúng ta gọi là Tịnh Tông Học Hội. Kiến lập Cư Sĩ Lâm, kiến lập Niệm Phật Đường, đây chính là cao kiến pháp tràng.

Đại phóng tuệ quang, là giảng kinh thuyết pháp. Hiện nay khoa học phát triển, kỹ thuật không ngừng tiến bộ, giá cả ngày càng rẻ, chúng ta có thể nghĩ đến truyền hình, mạng internet. Giá truyền hình, mạng internet rẻ, hiện nay giá vệ tinh cũng không cao. Loại công cụ hoằng pháp này, thật sự là cao kiến pháp tràng. Một nơi dạy học, tu tập, toàn thế giới đều có thể xem được. Người có duyên đều có thể tập trung một nơi, tuy

thân thể không ở một nơi, nhưng ý niệm chúng ta ở cùng nhau, sức mạnh này vô cùng lớn_ đây là quảng hồng diệu pháp.

Mục đích giảng kinh thuyết pháp không có gì khác, mục tiêu thứ nhất chính là giúp mọi người phá mê khai ngộ, có lòng tin với chánh pháp, có nhận thức đúng đắn. Thêm một bước nữa là khuyến khích mọi người phát nguyện, chúng ta cùng nhau đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta làm rất siêng năng, rất nỗ lực, mọi người tin tưởng. Nếu bản thân không làm, khuyên người khác, thì đây là giả không phải thật. Bản thân phải là người dẫn đầu giỏi, thực hành, không mơ hồ.

Bồ Tát nội tâm thuần chánh, hình thái ôn hòa, được bên trong mà thể hiện ra bên ngoài, trong ngoài giống nhau. Đây là điều kiện cơ bản của Bồ Tát, không thể không làm được.

Nội tâm thuần tịnh chính là thâm nhập một môn, không tạp không loạn. Hành môn chính là niệm rớt ráo một câu Phật A Di Đà, biểu hiện hình thái bên ngoài, ít nhất cũng có thể sánh với Khổng Tử: “Ôn lương cung kiệm nhường”, thật sự làm được như vậy. Người khác tranh, tôi nhường. Thật sự làm được không tranh với người, không cầu đối với thế gian, chúng ta sống với bất kỳ ai cũng hài hòa, vì sao vậy? Vì không có xung đột.

Trước đây tôi sống với Phật tử Hàn 30 năm, có nhiều người nói Phật tử Hàn là người rất khó gần, là một phụ nữ cứng rắn. Tôi nói không sao, bà ta cần tôi không cần, tôi cần bà không cần. Nên chúng tôi sống với nhau rất tốt, không có xung đột. Tôi cần là giảng kinh dạy học, điều này bà ta không cần. Bà ta cần là danh văn lợi dưỡng, vấn đề này tôi không cần. Bà làm quản trưởng có danh, có quyền, có thế. Bà ta quản lý người, quản lý tiền, quản lý việc. Bà đều quản lý hết, như vậy tôi không cần quan tâm, vì vậy tôi trở thành “tam bất quản”. Bà ta là “tam quản”, còn tôi là “tam bất quản”, vì vậy không có xung đột. Nếu tôi cũng muốn quản lý, liền khởi lên xung đột, như vậy không thể sống với nhau.

Nên chúng ta nghĩ đến Khổng tử, sống với bất kỳ ai cũng đều hài hòa, vì ông là “ôn lương cung kiệm nhường”. Đây là điều chúng ta cần nên học. Chúng ta tôn trọng tất cả mọi người, tất cả mọi người đều là Phật. Đức Phật dạy: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Trong mắt chúng ta họ đều là Phật, nên chúng ta luôn luôn kính lễ đối với tất cả chúng sanh. Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta lễ kính Chư Phật, họ là Phật thật không phải giả. Chính họ không biết, nhưng Phật Bồ Tát biết, Phật Bồ tát dạy chúng ta, nên chúng ta cũng biết.

“Lễ kính Chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng”. Quý vị xem người như vậy ai mà không thích, ai không tôn trọng, ai không yêu kính họ!

Những năm gần đây, chúng tôi đi đến rất nhiều quốc gia trên thế giới, mọi người đều biết. Ở Trung quốc có vài ngộ nhận, là gì? Họ chưa từng sống với tôi, mà chỉ đoán mò, đại khái tôi cũng là người thích tranh giành. Họ đoán sai, tôi không tranh với người khác, quý vị cần tôi đều không cần. Tôi cần, tin rằng quý vị cũng không cần. Nhưng nếu quý vị cần, tôi đều nhường quý vị làm. Quý vị nói: ông đừng giảng kinh thuyết pháp nữa, để đó tôi giảng. Được thôi! Tôi sẽ nhường cho quý vị giảng. Làm thính chúng có phước hơn làm giảng sư, giảng sư rất khổ, rất mệt. Thính chúng thoải mái biết bao, chỉ ở đó hưởng thụ. Nên quý vị muốn lên bục giảng, tôi cũng nhường cho quý vị, tôi có thể nhường hết tất cả, không xung đột với bất kỳ ai.

Xung đột đó là do bản thân họ hoài nghi mà sanh ra, không phải chân tướng sự thật. Chúng ta không tranh danh, cũng không tranh lợi với quý vị. Đến hoàng pháp lợi sanh tôi cũng không tranh, quý vị muốn tôi đều nhường hết, tôi còn cảm ân, cúi đầu lạy tạ quý vị, vì sao? Vì quý vị đã đỡ gánh nặng giùm tôi, tôi rất nhẹ nhàng giải thoát. Đây là được bên trong mà biểu hiện ra bên ngoài, trong ngoài như nhau.

Bồ Tát tịch định thấu suốt, định tuệ quân bình, tịch chiếu cùng lúc. Tịch định thấu suốt, ở trước chúng ta đã học. Định tuệ quân bình, tịch chiếu cùng một lúc, đây là họ khởi tác dụng. Do đó làm đại đạo sư của chúng sanh, tự giác giác tha. Đại đạo sư là một cái danh, nếu quý vị thích nó, cho quý vị cái danh đại đạo sư này, chúng tôi bằng lòng làm tiểu học sinh, chúng tôi không thích cái danh này.

Khiến cho tất cả chúng sanh đều đoạn ác sanh thiện, thuận theo Phật pháp, hàng phục phi tâm. Phi tâm chính là tà niệm, tà tri tà kiến gọi là phi tâm. Tâm trong tâm là chánh tri chánh kiến, tà tư tà niệm không phải chân tâm. Tham sân si mạn nghi không phải chân, nó đều là phi tâm. Danh văn lợi dưỡng không phải chân tâm, trong chân tâm không có, đều là phi tâm, tự tư tự lợi cũng là phi tâm. Nhất định phải hàng phục những tri kiến sai lầm và vọng tưởng phân biệt chấp trước này. Lấy gì để hàng phục? Tịnh độ tông, một câu niệm Phật cực viên cực đốn, A Di Đà Phật là hàng phục được tất cả. Mỗi niệm đều niệm Phật A Di Đà chắc chắn được vãng sanh.

“Xả chur ái trước”, buông bỏ tất cả mọi tham ái và chấp trước. “Vĩnh đoạn tam độc”, bây giờ chúng ta thêm vào hai cái thành ngũ độc. Tam độc là tham sân si, sau tham sân si có ngạo mạn, có hoài nghi. Phải vĩnh viễn đoạn trừ tham sân si mạn nghi, đoạn bằng cách nào? Học tập kinh giáo, chỉ một bộ kinh này là đủ. Nếu hiểu rõ ràng minh bạch, học thông suốt bộ kinh này, tham sân si mạn nghi tự nhiên sẽ không còn. Thế giới Cực Lạc trong tự tánh dần dần hiện ra.

Hiện lộ bản tánh, an trú thần thông, tự tại vô ngại. Chúng ta có thể làm được ngay trong đời này, chỉ cần thật sự tinh tấn nỗ lực, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, mười năm, hai mươi năm cảnh giới này liền hiện tiền.

Đoạn sau cùng: “Nhân duyên nguyện lực, xuất sanh thiện căn, thôi phục nhất thiết ma quân, tôn trọng phụng sự chư Phật, vì thế minh đặng, tối thắng phước điền, thù thắng kiết tường, kham thọ cúng dường, hách dịch hoan hỷ, hùng mãnh vô úy, thân sắc tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm, vô dũ đẳng giả”.

Đoạn này trong chú giải của Hoàng Niệm Tổ nói: Đoạn này nói rộng hơn, rõ ràng hơn công đức chân thật của Bồ Tát.

“Nhân duyên nguyện lực”_ nhân duyên, Ngụy Dịch gọi là nhân lực, duyên lực. Hai sức mạnh này, trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Nhân lực và duyên lực là pháp môn đầu tiên, hàng sơ học đều phải nương theo. Quá khứ tu được tất cả thiện hạnh, có thể sanh quả báo thiện ngày nay, gọi là nhân lực. Đây là nhân, nhân là những gì tu được trong quá khứ. Gắn gũi thiện tri thức để nghe chánh pháp, gọi là duyên lực.

Nhân duyên đầy đủ, sẽ thành tựu sự tu học cho chúng ta. Nếu không có nhân duyên, chúng ta không biết bắt đầu học từ đâu. Vì thế mỗi người đồng tu, quý vị nghe đến Phật A Di Đà liền sanh tâm hoan hỷ. Nghe đến bộ kinh này, hoặc là nghe Kinh A Di Đà, nghe đến Tịnh độ có thể sanh tâm hoan hỷ, đều là trong đời quá khứ từng học qua. Trong đời quá khứ không có thiện căn, đời này sẽ khó khăn hơn, quý vị không tin tưởng. Vấn đề này nếu quý vị quan sát tường tận một chút, người không học Phật không tính. Người học Phật, ngay cả người xuất gia, họ học pháp môn khác, không tin vào Tịnh độ. Là do nguyên nhân gì? Trong quá khứ không có nhân, đời này gặp thiện tri thức, nghe được bộ kinh này, họ cũng không tin. Họ không thích nghe, không nghe nổi, hai tiếng đồng hồ chỉ nghe vài phút là đi. Có đấy, mà còn không ít.

Vì vậy pháp thế xuất thế gian, đều coi trọng nhân duyên, pháp thế gian cũng không ngoại lệ. Trong đời quá khứ từng làm, đời này làm hình như mọi việc như ý, rất thuận lợi. Trong đời quá khứ chưa từng làm, cảm thấy rất xa lạ, nên làm rất khó khăn. Phải cần một thời gian dài, mới dần dần quen thuộc. Chúng ta tu học Tịnh độ cũng không ngoại lệ, duyên lớn mạnh còn có cách.

Chính bản thân tôi mà nói, duyên của tôi rất lớn mạnh, nhưng nhân rất yếu, vì thế mới học Phật không tin Tịnh độ. Bản thân rất ngạo mạn, tự cho rằng thông minh trí tuệ. Tịnh độ hình như là Đức Thế Tôn độ những bà cụ không có tri thức, đại khái là dành riêng cho họ. Đến thầy Lý khuyến tôi không biết bao nhiêu lần, tôi không phản đối, nhưng tôi không tiếp thu. Tôi từng nói với chư vị, nguyên nhân nào khiến tôi tiếp thu Tịnh độ? Giảng Kinh Hoa Nghiêm, lúc đó đã học Phật mười mấy năm. Có một lần giảng Kinh Hoa Nghiêm đột nhiên chợt nghĩ đến Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, các ngài tu pháp môn gì? Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Trong kinh không nói đến, nó ở sau, lật ở sau ra xem, mở đến quyển thứ 39 Tứ Thập Hoa Nghiêm_ Tứ Thập Hoa Nghiêm có 40 quyển. Quyển 38, 39 thấy Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền đều niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ, điều này khiến tôi rất ngạc nhiên. Trong hội Hoa Tạng hai

vị đại Bồ Tát này là trợ giáo của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, sao họ lại niệm Phật cầu sanh Tịnh độ? Mà còn dẫn theo tất cả 41 vị pháp thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng đến thế giới Cực Lạc tham học, điều này ở nhân gian chúng ta là chuyện không thể.

Nếu quý vị ở trong đạo tràng này, dẫn tất cả những người tu tập nơi đạo tràng này đi, hòa thượng trú trì ở đó không nổi giận ư? Nhất định rất giận! Nhưng đức Phật Tỳ Lô Giá Na không những không nổi giận, còn tán thành, hoan hỷ, nói hai vị Bồ Tát này làm rất đúng. Không giống nhau! Từ chỗ này mới thật sự nhận thức được Tịnh độ, bắt đầu nhận thức Phật A Di Đà, nên đây chính là lòng tin trong quá khứ không sâu sắc.

Nhân duyên lần này rất thù thắng, thầy có thể tùy thuận tôi, tôi thích kinh giáo, được! Con cứ học kinh giáo, không thích niệm Phật thì đừng niệm, thầy thuận theo ý tôi. Nên tôi đã nhận thức pháp môn Tịnh độ trong Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm. Chương Viên Thông thứ 25 trong Kinh Lăng Nghiêm, đó là ví dụ, là gương mẫu tu hành, đem Quan Âm Thế Chí đặt ở vị trí đặc biệt, đây là biểu pháp.

Chương Quan Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông, chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông. 25 pháp môn, nhưng hai pháp môn này là pháp môn đặc biệt.

Quan Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông, lịch đại tổ sư đều khẳng định, đều nói rất rõ ràng. Bồ Tát Đại Thế Chí nói không rõ ràng, nên rất nhiều người sợ ý, cho rằng 25 pháp môn viên thông, chỉ có một pháp môn đặc biệt.

Ban đầu tôi cũng không nhận ra, do một người Nhật hỏi mà phát hiện ra. Năm đó Chùa Lâm Tế mở giới đàn, tôi làm thư ký ở giới đàn. Đại học Đài Loan có bốn sinh viên, đều là sinh viên năm thứ tư. Họ đưa thầy giáo mình_Thầy giáo này là người Nhật, hòa thượng người Nhật bản, là giáo thọ khách mời của trường đại học Đài Loan_Họ đến phỏng vấn tôi. Vị hòa thượng người Nhật này hỏi tôi đang nghiên cứu gì? Lúc đó tôi đang học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý, tôi nói: Tôi đang học Kinh Lăng Nghiêm. Ông ta hỏi tôi, ông tu pháp môn gì? “Tôi tu pháp môn niệm Phật”, ông ta cảm thấy rất ngạc nhiên, pháp môn niệm Phật có liên quan gì với Kinh Lăng Nghiêm?

Câu hỏi này của ông ta, đã hỏi ra được vấn đề của tôi. Tôi lập tức nghĩ đến, và hỏi lại ông ta, tôi nói: Đại Thế Chí, Quan Thế Âm có liên quan gì với pháp môn niệm Phật? Khi hỏi câu này, vì trong Kinh Lăng Nghiêm nói pháp môn tu hành, hai pháp môn này là cao nhất. Quý vị nói Kinh Lăng Nghiêm không liên quan với Pháp môn Tịnh độ, vậy Quan Âm, Thế Chí nói lên điều gì? Liên quan rất lớn. Biểu pháp của Bồ Tát Quan Âm rất rõ ràng. Vì sắp xếp thứ tự của ngài là thứ hai, từ thứ hai đưa đến sau cùng. Điều này quá rõ ràng, nên ai cũng nhận ra.

Còn Bồ Tát Đại Thế Chí và Bồ Tát Di Lặc chỉ thay đổi một vị trí, không dễ nhận ra. Đại Thế Chí sắp ở thứ 23, ngài Di Lặc sắp ở vị trí thứ 24, ngài Di Lặc và ngài Đại Thế Chí thay đổi một chút. Ngài Di Lặc trở thành 23, ngài Đại Thế Chí trở thành 24, 24 cũng là pháp môn đặc biệt. Vấn đề này đến lúc hòa thượng Nhật bản hỏi tôi mới phát hiện ra, không hỏi đến nên sơ ý, không chú ý. Họ hỏi khiến tôi phát hiện được vấn đề này. Tôi rất hoan hỷ, may có ông ta hỏi, khiến tôi rất cẩn thận phát hiện ra vấn đề này_Hai pháp môn đặc biệt.

Hai pháp môn đặc biệt, vì sao không xếp Bồ Tát Đại Thế Chí sau cùng? Đây là phương tiện thiện xảo của việc dạy học. Pháp môn niệm Phật của Đại Thế Chí là thông biến pháp giới hư không giới. Pháp môn nhĩ căn của Bồ Tát Quan Thế Âm là chỉ có nơi địa cầu này.

Căn tánh nhĩ căn của chúng sanh trên địa cầu này rất sắc bén, nghe rất rõ ràng. Có khi thấy không rõ, nhưng nghe rất rõ, năng lực nghe mạnh hơn thấy. Nên đặc biệt là chúng sanh trên địa cầu, nhĩ căn tương ứng với Bồ Tát Quan Thế Âm. Cũng chính là Bồ Tát Quan Thế Âm khế hợp với căn cơ của chúng sanh trên địa cầu này, còn Bồ Tát Đại Thế Chí niệm Phật viên thông, là khế hợp với căn cơ với cõi nước của tất cả chư Phật khắp biến pháp giới hư không giới, điều này quá thù thắng. Trong chú giải của các bậc cổ đức, không nói rõ ràng tỉ mỉ vấn đề này, điều này rất quan trọng.

Vị pháp sư Nhật bản đó không nhận ra, nên đã hỏi tôi một câu như vậy. Nếu ông ta hiểu rõ sẽ nhận ra, sẽ không đưa ra vấn đề này. Nhưng đưa ra vấn đề này ảnh hưởng đến tôi rất lớn, khiến tôi lập tức tìm ra đáp án. Vì vậy mới tu phải nương vào nhân và duyên, nhân duyên này vô cùng thù thắng.

Vọng Tây nói: Thiện căn trong đời quá khứ gọi là nhân lực, thân cận tri thức gọi là duyên lực, nhân duyên hòa hợp có thể khởi hiện hành. Có nhân có duyên, hành động của quý vị liền khởi lên.

Hai thuyết trên tương đồng, ý nghĩa gần giống nhau. Nhưng Hội Sớ có khác một chút_Hội Sớ là trước tác của tổ sư người Nhật bản, tư tưởng của ngài có khác ở trước một chút.

Nhân lực, tâm bồ đề chính là nhân căn bản của Phật đạo, có thể thông triệt mười phương ba đời, khiến chúng ma vô cùng sợ hãi. Đây là nói, nhân lực là tâm bồ đề, cách nói này chỉ giới hạn trong đại thừa, nhân của đại thừa đích thực là tâm bồ đề. Chúng ta niệm Phật, quý vị xem, thật sự muốn cầu thế giới tây phương Cực Lạc, ở trước kinh này chúng ta có học đến: “Tam bối vãng sanh”, “Vãng sanh chánh nhân”. Hai phẩm này rất quan trọng, nó là phương pháp tu hành. Nhân chính của tam bối vãng sanh toàn là phát tâm bồ đề_Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm Phật A Di Đà, nói một cách rõ ràng. Đến nhất tâm tam bối, cũng không thể rời nguyên tắc này.

Tâm bồ đề là gì? Chân tâm, trái với tâm bồ đề là vọng tâm. Tâm bồ đề rất khó nói, cũng rất khó hiểu. Các bậc cổ đức dạy chúng ta rất đơn giản, trong khởi Tín Luận nói: Trục tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Trong Quán Kinh nói: Chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm. Hợp cả kinh và luận lại xem, ý nghĩa sẽ rõ ràng hơn. Chí thành tâm và trục tâm, chí thành tâm chính là trục tâm, trục tâm chính là chí thành tâm, đây là thể của tâm bồ đề_chân tâm!

Về sau tôi giới thiệu với mọi người, tôi đem chân thành tâm này, chỉ dùng hai chữ chân thành. Chí thành tâm và trục tâm, tôi dùng chân thành_chân thành tâm. Chân thành tâm khởi tác dụng, đối với bản thân, dùng chân tâm đối đãi chính mình, đây gọi là thâm tâm. Dùng chân tâm đối đãi người khác, gọi là tâm từ bi, tâm đại bi. Nên tôi đã dùng 10 chữ, lấy đề kinh của bốn kinh này_thâm tâm, mọi người dễ hiểu. Dùng tâm như thế nào đối đãi chính mình? Thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, giác tâm, trên đề kinh là: “Thanh tịnh bình đẳng giác”, là tự thọ dụng.

Tâm chân thành đối đãi chính mình chính là thanh tịnh bình đẳng giác, đối đãi người khác chính là từ bi. Chúng ta khởi tâm động niệm, tương ưng với thanh tịnh bình đẳng giác, chính là tâm bồ đề. Nghiên cứu giáo lý, tu hành, bất luận là bộ kinh luận nào, bất luận là pháp môn gì đều phải nhớ, học tập nhất định phải đạt được tâm thanh tịnh, như vậy là đúng. Chúng ta đạt được là thanh tịnh bình đẳng giác, đây là tự thọ dụng, trong này có định có tuệ, định tuệ đều học chính là thanh tịnh bình đẳng giác.

Nếu định tuệ không song hành, định nhiều tuệ ít hoặc tuệ nhiều định ít, đều không phải là tâm bồ đề. Nhất định phải định tuệ quân bình, định tuệ mới có thể khởi tác dụng tịch chiếu. Nó không bình đẳng, không có tác dụng tịch chiếu. Tịch là căn bản trí, chiếu là hậu đắc trí. Nên ngài nói tâm bồ đề là nhân căn bản của Phật đạo, lời nói này không sai.

Có thể thông triệt ba đời mười phương, vừa phát tâm bồ đề, ma sợ hãi, tức là ma khiếp sợ, vì sao? Vì ma sợ quý vị thành Phật. Vừa phát tâm bồ đề, là thấy quý vị sắp thành Phật, họ không ngăn cản, không chướng ngại được.

Duyên lực là rộng cầu tri thức, tập hợp các điều thiện lớn, duyên này có oai lực lớn chuyển phàm thành thánh. Rộng cầu tri thức là gì? 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử là rộng cầu tri thức. Mỗi vị thiện tri đều dạy pháp môn cho ngài, pháp môn gì? Pháp môn đoạn ác tu thiện. “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, nên ngài tự hội các điều thiện lớn. Điều này dùng 53 lần tham bái để giải thích sẽ rất dễ hiểu.

Duyên này có oai lực lớn chuyển phàm thành thánh. Thiện Tài Đồng Tử là biểu pháp tốt nhất cho mấy câu nói này. Hai thuyết này chữ nghĩa có khác, nhưng thực tế không trái nhau_cách nói không giống nhau, nhưng lại không trái nhau.

Tịnh Ảnh lấy thiện trong quá khứ làm nhân của ngày hôm nay. Hội Sớ lại lấy tâm bồ đề của ngày hôm nay làm nhân để thành Phật. Thực tế nếu không có thiện hành trong nhiều kiếp quá khứ, thì ngày nay không thể phát khởi tâm bồ đề, lời nói này rất có đạo lý. Nếu không phát tâm bồ đề, thì không có nhân để thành Phật, nên cả hai thuyết có thể hỗ trợ bổ sung lẫn nhau.

Trong hai thuyết này, Hội Sớ gần với bản kinh này hơn, vì sao? Vì những gì trong kinh này nói: Phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm là tông chỉ của kinh này_tông là tông chỉ tu hành, nguyên tắc chỉ đạo tu hành cao nhất. Vì thế Hội Sớ rất tương ứng với kinh này.

Lại trong Hội Sớ nói, trong này còn có một hàng. Tịnh Ảnh nói: Nguyên lực là nguyện bắt đầu tu hành, gọi là nguyện lực. Nguyện rất quan trọng, không có nguyện, hành không đắc lực. Nguyện là hy vọng của chúng ta, là phương hướng, là mục tiêu của chúng ta. Không có nguyện, tức là quý vị không có phương hướng, không có mục tiêu, công phu của quý vị không đắc lực.

Vọng Tây nói: Cầu tâm bồ đề gọi là nguyện lực. Vì sao chúng ta đến thế giới Cực Lạc? Cầu đại bồ đề, cầu đại bồ đề chính là cầu thành Phật, là cầu tìm về tự tánh, là cầu trí tuệ đức tướng viên mãn, đây là nguyện lực.

Lại trong Hội Sớ nói: Nguyên lực là tứ hoằng thệ nguyện có thể tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sanh. Cả ba thuyết trên, hợp ba loại kiến giải này để xem: Lấy tứ hoằng thệ nguyện trang nghiêm cõi nước, thành tựu chúng sanh. Chỉ cầu tâm bồ đề vốn có, lại tùy nguyện khởi hiện hành, gọi là nguyện lực. Đây là đem ba tư tưởng của ba vị tổ sư hợp lại.

Tứ hoằng thệ nguyện vô cùng quan trọng, là cương lĩnh chung của hoằng nguyện trong nhà Phật, người học Phật ngày ngày đều đọc nó:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô lượng thệ nguyện thành”.

Nếu nói tường tận về tứ nguyện này, thật sự mà nói thì nguyện chỉ có một điều: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, đây là một nguyện, ba điều sau cùng là một nguyện. Không có ba điều sau thì nguyện này là giả, quý vị dựa vào điều gì để độ chúng sanh? Vì muốn độ chúng sanh mới đoạn phiền não, mới học pháp môn, mới thành Phật đạo. Cho thấy đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo đều không

phải vì mình, ý nghĩa này rất sâu! Nếu vì chính mình thì hoàn toàn không có tứ hoằng thế nguyện này, nhất định không cầu được. Vì sao? Vì mình, vậy chúng ta bịphiền não dẫn đầu, như vậy làm sao có thành tựu? Thành tựu của người ta là lấy chúng sanh làm đầu: “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”, là vì chúng sanh, không phải vì mình. Vì mình có thể giải đãi biếng nhác không sao, vì người khác thì không thể. Chúng ta sớm thành tựu một ngày, chúng sanh chịu khổ ít một ngày. Chúng ta thành tựu chậm một ngày, chúng sanh chịu khổ nhiều hơn một ngày. Quý vị xem, sức mạnh lớn như vậy đang thúc đẩy quý vị.

Động lực pháp thế gian là gì? Danh lợi, có danh có lợi thì làm, liêu mình để làm. Không có danh lợi ai làm, không ai làm. Phật pháp không cần cả danh lẫn lợi, nhưng họ vẫn làm rất hăng say, đó là sức mạnh gì thúc đẩy? Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, sức mạnh này rất lớn! Vì sao Chư Phật Bồ Tát có thể tu thành Phật đạo? Chính là sức mạnh này, nhưng rất nhiều người không biết, vậy những người học Phật rốt cuộc làm những gì. Không cần danh cũng không cần lợi, lại không cần ăn ngon, cơm rau đơn sơ đạm bạc đều sống được. Nhưng vẫn làm rất hoan hỷ, rốt cuộc là vì sao? Đầu óc có vấn đề rồi sao.

Họ không biết, trong Phật pháp có tứ hoằng thế nguyện này thôi thúc họ. Tứ hoằng thế nguyện chính là một nguyện, và ba nguyện ở sau phải hoàn thành nó. Muốn độ người khác, đầu tiên phải có đức hạnh. Đức hạnh là gì? Đức hạnh chính là buông bỏ phiền não_ “phiền não vô biên thế nguyện đoạn”. Phải buông bỏ tất cả kiến tư phiền não, trần sa phiền não và vô minh phiền não, thành tựu đức hạnh. Sau khi thành tựu đức hạnh mới học pháp môn, như vậy là đúng.

Pháp môn tu học kiến lập trên nền tảng của đức hạnh, nếu pháp môn vô lượng thế nguyện học không có đức hạnh ở trước, thì sau khi pháp môn thành tựu, rất dễ lạc vào danh văn lợi dưỡng, đến cuối cùng tự mình chẳng những không thể độ người khác, mà còn sợ bị đọa lạc. Nền móng đạo đức quả thật rất quan trọng!

Đối với hàng sơ học, chúng tôi cũng nói: thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, không phải cũng đang học pháp môn sao? Đúng. Học pháp môn này trên thực tế là đặt nền móng, vì một pháp môn dễ được định, định có thể khai trí tuệ. Nên không phải như thông thường chúng ta nói: quảng học đa văn, không phải vậy. Thâm nhập một môn là thành tựu đức hạnh của quý vị, thành tựu định tuệ của quý vị. Định vị hiện tiền mới có thể quảng học đa văn. Quảng học đa văn không phí sức lực, vì quý vị đã đạt được căn bản trí. Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu là căn bản trí, căn bản trí chính là tâm tịch tịnh, chính là thanh tịnh bình đẳng giác, đó là căn bản trí. Nó khởi tác dụng là khai trí tuệ, nên chúng ta cần phải làm theo thứ tự này, không thể làm đảo ngược.

Người học Phật hiện nay thành tựu không giống như cổ nhân, nguyên nhân là gì? Điên đảo, vì sao vậy? Vì họ không cần đoạn phiền não, họ chỉ nói học pháp môn, thành Phật đạo, độ chúng sanh. Sau cùng chúng sanh cũng không độ được, mà tự mình cũng đọa lạc.

Từ đó cho thấy, đoạn phiền não là mấu chốt trong việc tu học Phật pháp, then chốt thành công hay thất bại. Thành công hay thất bại của tự hành, thành công hay thất bại của việc độ tha. Then chốt đều là ở chỗ đoạn phiền não, nhưng người hiện nay lại vứt bỏ vấn đề then chốt nhất này.

Khi tôi mới học Phật, nghe người ta nói, giới luật áp bức người, giới luật không phải là điều hay, nó trói buộc con người, khiến người khác không tự do, không nhúc nhích được. Có thể học Phật pháp, nhưng có thể không cần giới luật. Trước đây chúng tôi học Phật, thường nghe cách nói này trong nhà Phật. Sai, sai hoàn toàn!

Tôi rất cảm kích Chương Gia đại sư, tôi theo đại sư ba năm, một tuần gặp một lần, hơn 100 lần. Mỗi lần đến, và khi ra về đại sư đều đưa tôi đến cửa, nói với tôi một câu, âm thanh rất nhẹ rất thấp: “Giới luật rất quan trọng”. Chỉ một câu đơn giản như vậy, tôi nghe rất quen thuộc nên không để ý. Tôi cũng không hỏi đại sư, đại sư cũng không nói. Đại sư biết thái độ lớp thanh niên chúng tôi, chỉ dùng câu nói này làm sâu thêm ấn tượng của chúng tôi. Đến khi đại sư vãng sanh, tôi nỗ lực phản tỉnh: Tôi theo ngài ba năm, đại sư dạy tôi điều gì? Khi phản tỉnh, ấn tượng đầu tiên chính là câu nói: “Giới luật rất quan trọng”. Vì sao đại sư nói câu này? Trong quan niệm ban đầu của tôi, giới luật là đời sống quy phạm, cũng đích thực là như vậy. Chúng ta là người trong thời hiện đại, Đức Thế Tôn là người hai ba ngàn năm trước, thời đại khác nhau, quy phạm này vẫn dùng được chăng? Lại nói, chúng ta là người Trung quốc, có truyền thống văn hóa của riêng mình. Nó là Ấn độ, đời sống quy phạm của Ấn độ cổ 3000 năm trước, chúng ta học nó làm gì? Chúng tôi có lý do không tiếp thu.

Phản tỉnh ba ngày, phát hiện được, có thể là nhà Phật nói pháp xuất thế gian, truyền thống Trung quốc nói pháp thế gian. Nhưng quy củ của pháp thế gian, cách một thời kỳ là cần phải cải sửa, giống như pháp luật định ra vậy. Qua mấy năm không còn thích ứng nữa, phải sửa đổi lại, đây là pháp thế gian. Nên lễ của ba đời có hưng thịnh có cải cách, chính là trải qua sửa đổi. Giới luật của Phật là pháp xuất thế gian, nếu muốn ra khỏi thế gian thì phải học nó, không muốn ra khỏi thế gian, như vậy không cần học nó. Tôi nghĩ thông đạo lý này, ở nơi tháp hỏa thiêu Chương Gia đại sư, tôi ở đó ba ngày ba đêm, nghĩ ra kết luận này, đã minh bạch. Giới luật và lễ của thế gian khác nhau, không thể đem ra cùng bàn luận, đó là tiêu chuẩn của pháp thế xuất thế gian, nên nó không thể thay đổi.

Từ tư duy mới này, tôi bắt đầu xem sách về giới luật, trước đây không xem sách về giới luật. Đến lúc lớn tuổi mới phát hiện Đệ Tử Quy là giới luật, Cảm Ứng Thiên là

giới luật, trong rất nhiều Tôn giáo đều có giới luật, đều có luân lý đạo đức. Giới luật không những lợi ích đối với pháp xuất thế, pháp thế gian cũng rất lợi ích. Vì có nó, những lễ nghi quy củ của thế gian, mới thật sự làm tốt được, rất lợi ích, mới coi trọng giới luật.

Thầy thật sự dụng tâm rất khổ, nhất định để tôi ngộ được mới tin, nên đại sư không nói gì với tôi, vì sao? Nói, tâm tôi không phục, trái lại còn chặn đứng sự khai ngộ của bản thân, đây là kỹ xảo cao nhất trong việc dạy học. Vì sao không nói với quý vị? Nói sẽ làm chặn đứng cửa ngộ, khiến quý vị không ngộ được. Không nói, chỉ nhắc nhở nhẹ nhàng, để quý vị giác ngộ từ từ. Dùng phương pháp này dạy học, là sở trường của Thiên tông, họ không nói rõ ra, nhất định để quý vị tự ngộ, sau đó đem điều mình ngộ báo cáo lại với họ, họ ấn chứng cho chúng ta. Thế nên giới luật vô cùng quan trọng, giới luật là đoạn phiền não. Sau khi đoạn sạch phiền não mới có thể học pháp môn, vì sao? Học pháp môn mới có chỗ ngộ. Nếu có phiền não, học pháp môn sẽ không khai ngộ, mà đạt được là gì? Là thường thức, người hiện nay nói quý vị đạt được là tri thức, không được trí tuệ. Trí tuệ mới có lợi ích, tri thức không có lợi ích.

Trong xã hội ngày nay, tri thức không thể giải quyết, trên địa cầu nhiều thiên tai thảm họa như vậy, tri thức không giải quyết được, khoa học kỹ thuật đều không giải quyết được, nhưng trí tuệ có thể giải quyết. Trí tuệ sanh ra từ trong thanh tịnh bình đẳng giác, không phải từ phiền não, không phải sanh ra từ tri thức, tri thức không sanh khởi được. Đây là hai phương pháp hoàn toàn khác nhau, nên chúng ta không được dùng tâm thái của pháp thế gian để học Phật, như vậy quý vị sẽ hoàn toàn sai, quý vị vừa học vừa phê bình nó.

Phiền não phá xong, quý vị xem Đức Thế Tôn biểu diễn cho chúng ta thấy: 19 tuổi từ bỏ vương vị, từ bỏ cuộc sống giàu sang trong cung đình, ra đi cầu học làm khổ hạnh tăng. Thị hiện này là buông bỏ phiền não chướng. Mục đích của ngài là nhìn thấy tật bệnh đau khổ của chúng sanh, khổ vì sanh lão bệnh tử mới phát tâm. Ngài đầy đủ điều nguyện thứ nhất: “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ”. Từ bỏ gia đình, buông bỏ phiền não đi cầu tri thức, cầu học suốt 12 năm. Đến năm 30 tuổi ngài cũng buông bỏ hết sở học này, đây là thị hiện cho chúng ta thấy. Sở học là gì? Sở tri chướng, những thứ quý vị học được, làm chướng ngại quý vị khai ngộ.

Vì vậy dưới cội Bồ Đề, ngài buông bỏ tất cả sở học 12 năm, khôi phục thanh tịnh bình đẳng giác. Cũng chính là nói buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đây là đại triệt đại ngộ, trí tuệ, đức năng, tướng hảo viên mãn hiện tiền.

Ngài biểu diễn dưới cội bồ đề cho chúng ta thấy là: Đốn xả, đốn tu, đốn ngộ, đốn chứng. Đích thực phiền não đoạn rồi, pháp môn cũng đạt được, tất cả đều là tự tánh. Thành Phật đạo, bắt đầu độ chúng sanh.

Sau khi xuất định, đầu tiên ngài đến vườn Lộc Uyển, năm người này thiện căn thuần thực, nên độ họ trước. Năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên tiên, thứ nhất là tôn giả Kiều Trần Như. Đức Phật làm gương cho chúng ta, làm gương của tứ hoằng thệ nguyện, thệ nguyện thành tựu viên mãn độ chúng sanh.

Ở Trung quốc, Lục tổ Huệ Năng, ngài thị hiện một phương thức khác. Cũng là đốn xả, đốn ngộ, đốn tu, đốn chứng, giống như Đức Thế Tôn vậy. Ngài thị hiện là người không biết chữ, còn Đức Thế Tôn thị hiện là phần tử tri thức. Ngài Huệ Năng thị hiện khai ngộ này, không liên quan gì đến tri thức, khiến chúng ta nhìn thấy càng thù thắng!

Tất cả các kinh mà Đức Phật giảng trong suốt 49 năm, không có kinh nào ngài Huệ Năng không biết, ngài thấu triệt hoàn toàn, đều có thể giảng, tuyệt đối không thua gì Đức Phật. Vì ngài nói có thể giúp người khác đại triệt đại ngộ, có thể giúp người khác kiến tánh thành Phật, không thể nghĩ bàn. Chứng minh điều gì? Nói lên tất cả đều là tự tánh đầy đủ viên mãn, hà tất cầu bên ngoài? Cầu bên ngoài lãng phí biết bao nhiêu thời gian, lãng phí tinh thần. Chịu nhiều khổ cực như vậy, nhưng lại không học được gì. Như thế nào mới học được? Thì ra buông bỏ là học được. Ngài Huệ Năng nói với chúng ta như vậy, buông bỏ là được.

Chúng ta thấy hai tấm gương này, phải cố gắng nỗ lực tư duy quan sát, tìm khuyết điểm của mình rốt cuộc là ở đâu, chúng ta phải như thế nào mới làm được như các ngài vậy. Buông bỏ, câu này nói rất dễ, nhưng làm rất khó. Nhưng nếu không được phải làm sao? Đức Phật lưu lại bộ kinh này, niệm Phật vãng sanh. Pháp môn niệm Phật thành Phật này rất gần với viên đốn. Tuy không thể lập tức thành tựu như họ, nhưng pháp môn niệm Phật này có thể thành tựu ngay trong đời này. Nhanh thì bảy ngày, nếu một ngày cho đến bảy ngày, hàng thượng thượng căn, căn tánh như ngài Huệ Năng vậy, bảy ngày quả thật có thể thành tựu. Hàng trung căn, năm ba năm chắc chắn thành công.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện nói rằng, hầu như người thường là ba năm. Ba năm niệm Phật thành công, biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh, người thường đều làm được.

Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xướng ở Thẩm Quyến, cũng biểu diễn cho chúng ta thấy, một thanh niên ba mươi mấy tuổi. Nghe đến pháp môn này, nghe được như vậy, anh ta thử xem rốt cuộc là thật hay giả, liền phát tâm bệ quan. Bệ quan ở Thẩm Quyến, Hương Tiểu Lợi hộ thất. Phước báo ngày nay của Hương Tiểu Lợi từ đâu đến? Do hộ thất mà có. Hoàng Trung Xướng quả thật đã vãng sanh, công đức hộ thất này rất lớn, ngày nay cô ta hưởng phước chính là do hộ thất này. Anh ta chưa đến ba năm, hai năm mười tháng, còn thời gian hai tháng nữa mới ba năm, anh ta biết

trước giờ chết và đã vãng sanh. Không hề sanh bệnh, đây là hiện thân thuyết pháp, là thật không phải giả.

Chúng ta xem tiếp câu bên dưới: Có nguyện mà không hành, gọi là hư nguyện, tức không có lực. Có nguyện không có hành không thể thành tựu, nguyện này là không nguyện. Do đó nhân duyên hòa hợp, lại đầy đủ nguyện lực, tự nhiên sẽ sanh ra thiện căn. Đại sư La Thập nói: Thiện căn là thiện tâm kiên cố, thâm sâu không thể bạt trừ, gọi là căn. Trong Phật pháp, Tỳ Bà Sa Luận nói: Thiện căn là không tham không sân không si, tất cả thiện pháp đều sanh ra từ ba điều này. Đây là ba thiện căn mà trong nhà Phật thường nói, tất cả thiện pháp của thế gian đều từ đây sanh ra: Không tham không sân không si. Ngược lại, tham sân si gọi là tam độc, tam độc là gì? Tất cả những gì độc hại đều từ nó sanh ra, sanh ra từ tham sân si. Nội tâm chúng ta có tam độc, đây là gì? Nguồn gốc của tất cả tội nghiệp sanh tử tật bệnh, nó đang tạo ra. Nếu nhỏ sạch tham sân si, không có tham sân si, trong tâm chúng ta chỉ sanh thiện pháp, chỉ sanh công đức, không sanh phiền não, không sanh ác nghiệp, nên gọi là ba thiện căn. Đây là thiện tâm kiên cố, sâu không thể bạt trừ. Ngài Cru Ma La Thập nói: Thiện có thể sanh diệu quả, lại sanh dư thiện, nên gọi là thiện căn. Diệu quả, trong Tịnh độ tông nói là vãng sanh Tịnh độ, thân cận Phật A Di Đà, đây là diệu quả. Ngoài diệu quả ra, nó đều có thể sanh ra tất cả điều thiện, nên gọi là thiện căn.

Trong Kinh Di Đà dạy rằng: “Không thể thiếu thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về cõi nước này”. Điều kiện đầu tiên chính là thiện căn. Trong giáo lý đại thừa nói: Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một là tinh tấn, tinh tấn là thiện căn của Bồ Tát. Bồ Tát có chướng ngại nghiêm trọng nhất là hoài nghi, nghi là chướng ngại nghiêm trọng nhất của Bồ Tát, tinh tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát, nghi làm chướng ngại tinh tấn.

Pháp thế gian không tham không sân không si, đầy đủ viên mãn tất cả thiện pháp, không thể không đoạn tận tham sân si. Thế nên tham sân si, chúng ta phải nỗ lực phản tỉnh, nếu năm này nhẹ hơn năm trước, hiện tượng này tốt, chứng minh công phu tu học của chúng ta đắc lực. Nếu năm này như năm trước, thậm chí năm này còn nghiêm trọng hơn năm trước, điều này rất phiền phức, phải tự mình cảnh giác cao độ vấn đề này, vì sao? Vì đạo nghiệp quý vị không có tiến triển, chỉ dừng lại một chỗ. Nếu năm này còn nghiêm trọng hơn năm trước, coi như xong, quý vị đã thoái chuyển, thoái chuyển là gì? Chính là trở lại ba đường ác. Nên biết, tâm tham đọa vào ngã quý, sân nhuế đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh, quý vị nghĩ đến đây sẽ sợ hãi. Tham sân si không sao, nhưng nghĩ đến ba loại quả báo của tham sân si liền sợ hãi, như vậy có thể làm ư? Đòi sau đồng ý vào tam đồ sao? Không muốn đọa vào tam đồ, thì phải nhổ tận nguồn gốc của tam đồ. Tham sân si là gốc của tam đồ, là nhân của tam đồ.

Di Đà Yêu Giải nói: Bồ đề chánh đạo là thiện căn, tức thân nhân. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ chú giải: Bồ đề chánh đạo là phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, đây tức là thân nhân để thành tựu bồ đề. Nhân là chủng tử, là chủng tử thành tựu quả bồ đề, gọi là thiện căn. Ngẫu Ích đại sư nói trong yếu giải, chuyên đối với những người tu Tịnh độ, chuyên dành cho những người cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, ngài nói với hạng người này.

Thế nên khuyên chúng ta phát tâm, phát tâm bồ đề. Bồ đề tâm chính là tâm thanh tịnh bình đẳng giác, chúng ta thêm chân thành vào ở trước, thêm từ bi vào ở sau. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Mọi lúc mọi nơi, khởi tâm động niệm tương ưng với nó, không trái với nó, đây chính là tâm bồ đề, đương nhiên quan trọng nhất là điều đầu tiên: Chân thành. Nếu chúng ta xử sự đối nhân tiếp vật mà hư ngụy là sai. Thế nên tâm bồ đề không phải nói: khi tôi niệm Phật dùng tâm chân thành, còn tôi đối với người, người ta dùng thái độ như thế nào đối với tôi, tôi sẽ dùng thái độ đó đối với họ, như vậy là sai. Người khác gạt tôi, lừa dối tôi, hại tôi, tự tư tự lợi, tổn người lợi mình, đều là tâm này. Chúng ta học được chăng? Không nên học, nên biết đó là tâm luân hồi, dùng tâm này là trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Họ lặn ngụp trong luân hồi lục đạo, tôi muốn đến thế giới Cực Lạc. Nhưng mình vẫn dùng tâm giống họ, đây gọi là có nguyện mà không hành. Quý vị muốn đến thế giới Cực Lạc, nhưng không tạo nhân của thế giới Cực Lạc, không đi được! Không phải Phật pháp không linh, mà chính chúng ta đã sai. Vì thế người khác lừa gạt mình, nhưng mình không nên lừa gạt họ, nên dùng tâm chân đối đãi họ. Người khác hãm hại chúng ta, ta nên dùng tâm từ bi đối đãi họ, vì sao vậy? Vì họ là người trong luân hồi lục đạo, ta là người của thế giới Cực Lạc. Người ở thế giới Cực Lạc sao có thể giống như người thế gian này? Chúng ta hiểu rõ ràng mình bạch những vấn đề này, sẽ hồi tâm chuyển ý.

Thế gian này dùng tâm thái gì đối với tôi cũng không sao. Vì sao? Vì chúng ta ở thế gian này, đời này là thân sau cùng, lần sau không đến nữa. Thân sau cùng. Đời sau đến thế giới Cực Lạc, không ở cõi Ta Bà, cáo biệt Ta Bà, như vậy là đúng. Chúng ta vẫn lưu luyến thế gian này, còn kết duyên với người thế gian, quá phiền phức. Chúng ta chỉ kết pháp duyên với người thế gian, tương lai sau khi tôi thành Phật, tôi trở lại độ quý vị, kết pháp duyên là đúng. Duyên này không có quả báo thiện ác, hóa giải tất cả, hiện tại chúng ta phải được thanh tịnh tự tại. Nên nhất định phải hiểu, tâm là Phật A Di Đà, tâm là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đối đãi người khác đều dùng một vị từ bi, bình đẳng từ bi, thanh tịnh từ bi, như vậy là đúng.

Nhất hướng chuyên niệm, điều này vô cùng quan trọng, đây thuộc về hành môn. Phát tâm bồ đề là nguyện, có nguyện có hành, dùng hành để thực tiễn lời nguyện, thực tiễn nguyện vọng của chúng ta. Đây là nhất hướng chuyên niệm, nên nhất định phải học. Trong một ngày, ngủ không tính, một ngày từ khi thức dậy cho đến lúc đi ngủ, niệm Phật nhiều hơn tạp niệm, điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì? Nếu trường

hợp của chúng ta, có thể niệm Phật được 8 phần mười, tạp niệm chỉ hai phần, như vậy nhất định được vãng sanh. Không những chắc chắn được vãng sanh, mà muốn khi nào đi thì lúc đó có thể đi, muốn sống thêm vài năm cũng không sao, công phu niệm Phật của quý vị đã thành tựu. Nếu tạp niệm và niệm Phật bằng nhau, 50% so với 50%, nửa này nửa kia, chưa chắc được vãng sanh, còn phải dựa vào nhân duyên khi lâm chung. Nếu công phu của chúng ta là 6 so với 4, mỗi ngày tôi niệm Phật là 60%, tạp niệm 40%, có thể vãng sanh. Cao hơn nữa, niệm Phật 80%, vọng niệm 20%, sẽ tự tại vãng sanh. Nên làm điều này, vì nó là thật, những việc thế gian khác đều là giả. Có thể xả thì nên xả, đáng xả thì phải xả, không còn làm những việc hồ đồ nữa, nhất tâm nhất ý chỉ cầu vãng sanh. Ngoài vãng sanh ra, không có ý niệm nào nữa cả, đây chính là thân nhân thành tựu bồ đề. Thân nhân chính là chủng tử, chủng tử thành tựu quả bồ đề, gọi là thiện căn.

Lại trong Kinh Đại Bi nói: Nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật, là lấy thiện căn đi vào thế giới niết bàn, không thể cùng tận. Đây là nói đến người niệm Phật, thiện căn của Tịnh độ tông là gì? Chính là niệm Phật. Các bậc cổ đức có một ví dụ, công phu niệm Phật phải đến trình độ nào? Trong ví dụ nói: “Sanh xứ chuyển thành thực, thực xứ chuyển thành sanh, như vậy là thành tựu”.

Hiện nay thực của chúng ta là gì? Là tạp niệm, từ sáng đến tối tạp niệm khởi lên không hề hay biết, vì đã thuần thực. Phật hiệu, Phật hiệu mới mẻ, thường hay quên mất, không nhớ được. Phật hiệu mới mẻ, vọng niệm thuần thực. Bây giờ thay đổi nó một chút, làm sao để niệm Phật được thuần thực, và tạp khí của mình thành mới mẻ. Thay đổi được như vậy, công phu liền thành tựu, cách nói này rất hay. Thuần thực chuyển thành mới mẻ, mới mẻ chuyển thành thuần thực, đem nó thay đổi thành như vậy.

Thay đổi này, đầu tiên phải buông bỏ dục vọng, không có tham muốn đối với thế gian này, mới có thể chuyển được. Nếu có tham vọng đối với thế gian này, có tham luyến dục vọng, như vậy thì vô cùng khó khăn. Còn phải trả thù oán hận, ghi hận trong lòng, điều này rất khó chuyển. Phải vứt bỏ hết tất cả những ân oán thế gian này, buông bỏ tất cả. Dùng một tâm cảm ân đối với những thân oán này, dùng tâm cảm ân thanh tịnh bình đẳng để đối đãi.

Ở thế giới Ta Bà, chúng ta đã vướng víu không biết bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp, bây giờ tôi giác ngộ, không làm nữa. Cám ơn mọi người, tôi đi đây. Phải có thái độ này, phải có tâm tình này, thật sự buông bỏ. Niệm Phật bằng tâm tình đó, có thể chuyển Phật từ mới mẻ thành thuần thực. Vì vậy phải luôn nghĩ cách, nghe kinh giáo, rất hay, vì sao? Giúp chúng ta giác ngộ. Nghe kinh chính là tu hành, nghe kinh cũng chính là niệm Phật.

Bồ Tát Đại Thế Chí dạy rằng: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định thấy Phật”. Nhớ Phật niệm Phật là nhân, nhất định thấy Phật là quả. Nhớ Phật, đọc kinh là nhớ Phật, chúng ta thường nghĩ đến sự trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, thường nghĩ đến ân đức của Phật A Di Đà, đây là nhớ Phật.

Niệm Phật chính là xưng câu Phật hiệu này: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, cứ niệm như vậy, đừng để gián đoạn, vì sao? Gián đoạn, tạp niệm sẽ khởi lên. Dùng phương pháp này để buông xả tạp niệm, vì tạp niệm quá thuần thực, không niệm Phật nó sẽ lập tức khởi lên. Nên dùng phương pháp niệm Phật, niệm sạch tạp niệm. Không niệm nó lại đến, như vậy cần phải niệm thường xuyên, niệm đến thuần thực, thuần thực là sao? Không có tạp niệm gọi là thuần thực, không có tạp niệm chỉ có niệm Phật.

Giống như trong Kinh Đại Bi nói: “Nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật”, nhất tâm xưng niệm chính là nhất hướng chuyên niệm. “Lấy thiện căn đi vào thế giới niết bàn”, sanh đến thế giới Cực Lạc chính là nhập thế giới niết bàn, sanh đến thế giới Cực Lạc rất thù thắng nói không cùng tận. Đến đó được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đái ngũ sinh hoạt ở thế giới Cực Lạc_chúng ta nói là đời sống vật chất, đời sống tinh thần_Đái ngũ trong đời sống bình đẳng với pháp thân Bồ Tát, hơn cả tầng trời thứ 6 Dục giới. Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiện không thể sánh được, Tứ thiên thiên cũng không thể sánh được.

Những hưởng thụ về sinh hoạt vật chất, sinh hoạt tinh thần, là Phật A Di Đà cho chúng ta. Phước đức của Phật A Di Đà từ đâu mà có? Trong kinh này Đức Phật nói: công đức tu học từ vô lượng kiếp, công hạnh vô lượng kiếp trong đời quá khứ. Ngài trở thành Thế Nhiêu Vương, đại quốc vương của thế gian này. Làm quốc vương, gặp được Tự Tại Vương Phật, nghe kinh pháp giác ngộ, liền từ bỏ vương vị, xuất gia tên là tỳ kheo Pháp tạng. Thiện căn, thân nhân từ vô lượng kiếp đó, phát khởi 48 lời nguyện của ngài. Sau khi phát 48 lời nguyện, lại dùng thời gian năm kiếp tinh tấn tu hành, đồng mãnh tinh tấn, thực hiện thành tựu 48 lời nguyện.

Công đức thành tựu 48 nguyện, cảm ứng được thế giới Cực Lạc. Nên thế giới Cực Lạc là nguyện lực, hạnh lực của Phật A Di Đà, công đức tu hành thành tựu. Nó không phải nhân công thiết kế, ở đó cũng không phải như chỗ của chúng ta, là do thi công kiến tạo thành, nó không phải. Thế giới Cực Lạc là tự nhiên cảm ứng nên, tự nhiên cảm ứng được này, chúng tôi có chứng cứ.

Chúng ta biết rõ, không hoài nghi đối với điều này, vì sao? Dục giới thiên, Tha hóa tự tại thiên, Hóa lạc thiên đều là cảm ứng, đó là gì? Là công đức hành thiện của chính mình thành tựu nên. Có câu: nhà tích đức hành thiện nhất định luôn an vui, nó tự nhiên cảm ứng. Quý vị tạo tội nghiệp, cảm ứng tội nghiệp tạo thành địa ngục. Địa ngục cũng là hóa sanh, không có ai thiết kế, không có người kiến tạo. Câu chuyện này trước đây chúng tôi nghe cư sĩ Chu Kính Trụ kể, ông là ba vợ của ông Chương Thái

Viêm. Đầu năm Dân quốc, mọi người đều biết ông, ông làm phán quan của Đông Ngạc đại đế. Một hôm ông cảm thấy hình phạt ôm cột đồng cháy quá tàn khốc, không phù hợp nhân đạo, nên thỉnh cầu Đông Ngạc đại đế hủy bỏ hình phạt này. Đông Ngạc đại đế rất thông minh, phái hai tiểu quý dẫn ông đi xem_ông đến hiện trường xem thử. Đến hiện trường, tiểu quý nói đến rồi, ông không thấy gì, mới đột nhiên giác ngộ: là nghiệp lực bất thiện của chính mình biến hiện ra, không phải do con người làm, nếu do Đông Ngạc đại đế tạo nên, ông có thể hủy bỏ. Không phải ông tạo thành, là bản thân chúng ta cảm ứng, như vậy có cách nào chằng? Từ đó mới hoàn toàn thấu triệt, nghiệp lực cảm ứng quả thật không thể nghĩ bàn.

“Thế mới biết, thiện căn là thân nhân, từ nhân được quả, quả đầy đủ chủng tử, lại tạo thành thắng nhân. Nếu như triển chuyển, thiện căn vô tận, nên Bồ Tát đầy đủ chủng chủng diệu đức như thế”. Đầu tiên giới thiệu về trí tuệ, đức năng của Bồ Tát từ đâu mà có. Thực tế mà nói thì không phải từ bên ngoài đến, tất cả đều từ trong tánh đức của mình tự nhiên hiển lộ ra.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 490